

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1013/2017/DS-PT

Ngày: 15/11/2017

V/v: “Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Giảng
Bà Trịnh Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2017/TLPT-DS ngày 15/9/2017 về: “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án số 848/2017/DSST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2223/2017/QĐPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Tổng Công ty Bảo hiểm B**

Trụ sở: 35 đường H, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Ngọc L, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: 50 đường Đ, phường B, huyện T, tỉnh Bình Dương.

Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 798/2015/PC/BHBV ngày 07/4/2015 của Tổng Công ty Bảo hiểm B.

2. Bị đơn:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn T

Trụ sở: 266 – 268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: E7/26 ấp N, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 234/2017/GUQ-TGD ngày 13/11/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn T.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải T

Trụ sở: 27 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 01/TTP ngày 11/5/2015 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Gạo M.**

Trụ sở: 39 đường N, Phường M, Thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Anh Kỳ H, sinh năm 1974 (Xin vắng mặt)

Là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Gạo M.

Địa chỉ: 102/2 đường P, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Tổng Công ty Bảo hiểm B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B trình bày:

Ngày 21/12/2012, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Gạo M (nay gọi là Công ty M) và Công ty B Nam Bình Dương thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm B (nay gọi là Công ty B) ký kết hợp đồng bảo hiểm theo hình thức cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt số BDU1/D05.F1.12.HD94. Theo nội dung của bảo hiểm thì Công ty B nhận bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt cho tài sản và hàng hóa (phân bón) của Công ty M được lưu kho tại Tổng kho Thiên Sơn, lô MN 123, đường M, khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương, với tổng giá trị bảo hiểm là 1.267.500.000 đồng và thời hạn bảo hiểm từ ngày 24/12/2012 đến ngày 24/12/2013.

Ngày 04/12/2012, Công ty M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải T (nay gọi là Công ty T) ký Hợp đồng thuê kho và quản lý hàng hóa số 018/2012/HĐCK&QLHH-TTP về việc thuê 150m² (một phần nhà kho số 3) trong khu vực Tổng kho Sacombank để làm kho chứa hàng hóa các loại với thời hạn thuê kho từ ngày 15/12/2012 đến hết ngày 15/12/2013.

Ngày 12/04/2013 đã xảy ra vụ cháy lớn tại Tổng kho Sacombank và tiêu hủy một phần hàng hóa phân bón các loại của Công ty M đang lưu tại kho.

Ngày 19/6/2013, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương có Công văn số 573/CSPCCC(P2) về việc “*Thông báo kết quả điều tra vụ cháy Tổng kho Sacombank*” và xác định nguyên nhân vụ cháy như sau: “*Do trên đường dây dẫn điện cung cấp điện cho đèn cao áp chiếu sáng thuộc kho số 1 theo hướng Nam-Bắc. Vị trí này có tọa độ cách tường hướng Bắc 2,8m, cách tường hướng Đông 27m đã xảy ra sự cố chạm chập điện (ngắn mạch). Sự cố ngắn mạch phát sinh hồ quang mang năng lượng cao đốt cháy vỏ cách điện, làm nóng chảy lõi dây dẫn điện tạo hạt đồng nóng chảy mang nhiệt độ cao (>1500⁰C) văng ra gây cháy các vật liệu dễ cháy (nhựa, giấy..), từ đây đám cháy phát triển đi các hướng và gây cháy lớn.*”

Ngày 07/8/2013, Công ty Cổ phần Điều chỉnh V báo cáo kết quả giám định và tính toán số tiền mà Công ty B phải bồi thường cho Công ty M là 220.218.710 đồng.

Ngày 03/10/2013, Công ty B đã chi trả cho Công ty M tiền bồi thường bảo hiểm là 220.218.710 đồng.

Theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 17 và Khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều 577 Bộ luật Dân sự, Công ty M ký Giấy chuyển quyền số 001/GCQ-2013 ngày 26/11/2013 về việc chuyển toàn bộ quyền và lợi ích của mình cho Tổng Công ty Bảo hiểm B (nay gọi là Bảo hiểm B) trong việc truy đòi trách nhiệm từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn T và Công ty T – trách nhiệm của bên thứ ba đối với vụ tổn thất.

Tổng Công ty Bảo hiểm B căn cứ vào Điều 623 Bộ luật Dân sự cho rằng chủ sở hữu của nguồn nguy hiểm cao độ (dây dẫn điện) là Tổng kho Sacombank phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại hàng hóa của Công ty M trong vụ cháy này. Ngoài ra, Công ty T là bên cho Công ty M thuê kho nên cũng phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty. Do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm B khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn T và Công ty T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Bảo hiểm B số tiền 220.218.710 đồng và đề nghị Tòa án xác định phân, mức trách nhiệm riêng rẽ của từng bị đơn.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Sài Gòn T trình bày như sau:

Ngày 29/01/2013, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Sài Gòn T (nay gọi là S) và Công ty T ký Hợp đồng thuê kho số 32/2013/HĐKT-SBA về việc Công ty T thuê

5.400m² kho để làm kho lưu trữ và quản lý hàng hóa. Thời hạn thuê kể từ ngày 01/02/2013 đến hết ngày 31/01/2017. Hợp đồng quy định rõ quyền và nghĩa vụ của Công ty T, theo đó công ty phải quản lý và tự chịu trách nhiệm về toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định, có trách nhiệm kiểm tra, quản lý mạng lưới đường dây điện...

Ngày 01/02/2013, S tiến hành bàn giao toàn bộ diện tích thuê kho 5.400m² cho Công ty T.

Ngày 12/4/2013, xảy ra vụ cháy tại Tổng kho Sacombank bao gồm cả kho mà Công ty T đã thuê.

Ngày 19/6/2013, Sở cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương có Công văn số 573/CSPCCC(P2) về việc “*Thông báo kết quả điều tra vụ cháy Tổng kho Sacombank*”. Theo kết quả điều tra này thì sự cố cháy xảy ra tại Tổng kho Sacombank không do lỗi của công ty. Ngoài ra, trong suốt thời gian cho thuê kho, S đã thực hiện đúng các quy định về đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy, đồng thời thường xuyên thông báo khách hàng về vấn đề đảm bảo an toàn lưới điện và phòng cháy.

Về số tiền mà Bảo hiểm B đã bồi thường cho Công ty M là 220.218.710 đồng thì công ty không có ý kiến và không yêu cầu xác định lại giá trị hàng hóa của cho Công ty M bị thiệt hại trong vụ cháy ngày 12/4/2013.

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn, S không đồng ý về việc liên đới với Công ty T bồi thường thiệt hại số tiền 220.218.710 đồng cho Bảo hiểm B.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải T trình bày như sau:

Công ty T và Công ty M ký Hợp đồng thuê kho và quản lý hàng hóa số 18/2012/HĐCTK&QLHH-TTP ngày 04/12/2012 về việc thuê 150m² (một phần nhà kho số 3) trong khu vực Tổng kho Sacombank để làm kho chứa hàng hóa các loại với thời hạn thuê kho từ ngày 15/12/2012 đến hết ngày 15/12/2013.

Ngày 12/04/2013 đã xảy ra vụ cháy lớn tại Tổng kho Sacombank và tiêu hủy một phần hàng hóa phân bón các loại của Công ty M đang lưu tại kho.

Sau vụ cháy, Công ty M đã được Bảo hiểm B bồi thường thiệt hại với số tiền là 220.218.710 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng thuê kho trên, Công ty T là đơn vị “*không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản của bên B do nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, bão lụt,...*”. Theo kết luận điều tra của cơ quan chức năng thì vụ hỏa hoạn là do nguyên nhân khách quan – chập điện. Do đó, Công ty T không đồng ý về việc liên đới với S bồi thường thiệt hại số tiền 220.218.710 đồng cho Bảo hiểm B.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Gạo M trình bày như sau:

Công ty T và Công ty M ký Hợp đồng thuê kho và quản lý hàng hóa số 18/2012/HĐCTK&QLHH-TTP ngày 04/12/2012.

Ngày 12/04/2013 đã xảy ra vụ cháy lớn tại Tổng kho Sacombank và tiêu hủy một phần hàng hóa phân bón các loại của Công ty M đang lưu tại kho.

Sau vụ cháy, Công ty T và Công ty M đã thanh lý Hợp đồng thuê kho.

Ngày 03/10/2013, Bảo hiểm B đã chi trả cho Công ty M tiền bồi thường bảo hiểm 220.218.710 đồng và công ty không có ý kiến về số tiền bồi thường này.

Ngày 26/11/2013, Công ty M ký Giấy chuyển quyền số 001/GCQ-2013 về việc chuyển toàn bộ quyền và lợi ích của mình cho Bảo hiểm B trong việc truy đòi trách nhiệm từ S và Công ty T trách nhiệm của bên thứ ba đối với vụ tổn thất.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Bảo hiểm B, Công ty M đồng ý vì yêu cầu này phù hợp theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty nhận thấy việc cháy kho hàng không có liên quan trực tiếp đến Công ty T. Ngoài ra, Công ty M không có ý kiến, yêu cầu nào trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 848/2017/DS-ST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Bảo hiểm B về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Sài Gòn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải T trả số tiền bồi thường 220.218.710 đồng (Hai trăm hai mươi triệu hai trăm mười tám ngàn bảy trăm mười đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng Công ty Bảo hiểm B phải chịu án phí là 11.010.935 đồng (Mười một triệu không trăm mười ngàn chín trăm ba mươi lăm đồng), nhưng được bù trừ vào số tiền 5.505.468 đồng (Năm triệu năm trăm lẻ năm ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/09172 ngày 15/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Tổng Công ty Bảo hiểm B có trách nhiệm nộp thêm 5.505.467 đồng (Năm triệu năm trăm lẻ năm ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/8/2017, nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B do ông Trịnh Ngọc L làm người đại diện hợp pháp trình bày: S là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, cụ thể là hệ thống tải điện tại kho số 1, nơi có dây dẫn điện bị chập làm phát sinh đám cháy. Sau khi xảy ra sự cố hỏa hoạn, Bảo hiểm B đã thực hiện chi trả tiền bồi thường cho đơn vị mua bảo hiểm là Công ty M số tiền là 220.218.710 đồng và Công ty M đã chuyển quyền yêu cầu đòi người thứ ba bồi hoàn số tiền mà Công ty M đã nhận cho Bảo hiểm B. Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi. Do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm B yêu cầu S và Công ty T (là đơn vị thuê kho của S và cho Công ty M thuê lại) phải liên đới bồi hoàn lại số tiền mà Bảo hiểm B đã chi trả cho Công ty M.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Sài Gòn T do ông Nguyễn Thanh P làm người đại diện hợp pháp trình bày: Theo Luật Kinh doanh bảo hiểm thì Bảo hiểm B được quyền truy đòi lại số tiền đã bồi hoàn cho đơn vị mua bảo hiểm khi bên thứ ba có lỗi. Vụ hỏa hoạn xảy ra hoàn toàn không có lỗi của chủ sở hữu là S. Hơn nữa, trong hợp đồng thuê kho giữa S với bên thuê quy định rõ là S chỉ bồi thường thiệt hại do lỗi chủ quan của bên cho thuê. Vụ cháy xảy ra là khách quan không thể lường trước được vì S đã áp dụng mọi biện pháp, đúng quy định trong việc bảo vệ, sử dụng mạng lưới điện. Do đó, S không đồng ý bồi hoàn lại số tiền mà Bảo hiểm B đã chi trả cho Công ty M.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải T do ông Nguyễn Hữu T làm người đại diện hợp pháp trình bày: Công ty T có ký hợp đồng thuê kho với Công ty THHH Xuất nhập khẩu Gạo M. Căn cứ hợp đồng được ký kết giữa hai bên thì Công ty T không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản của bên thuê do nguyên nhân khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn, bão lụt,... Theo kết quả điều tra của cơ quan có thẩm quyền thì nguyên nhân của vụ hỏa hoạn là do khách quan – chập điện, cháy từ kho số 1 của S lan sang kho của Công ty M. Trong vụ cháy này chính Công ty T cũng là nạn nhân. Do đó, Công ty T không đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường như Bảo hiểm B yêu cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên nhân của vụ cháy là khách quan do chập điện. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh là bị đơn có lỗi trong vụ hỏa hoạn nên kháng cáo của nguyên đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty M có “Đơn xin vắng mặt” đề ngày 16/6/2015 về việc yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Công ty B Nam Bình Dương (thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm B) đã giao kết Hợp đồng bảo hiểm với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Gạo M theo hình thức cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy và rủi ro đặc biệt số BDV1-D05.FI.12.HD94 ngày 21/12/2012, theo đó bảo hiểm các vấn đề: Hỏa hoạn, sét đánh, nổ, giông bão và lụt. Địa điểm bảo hiểm là Tổng kho Thiên Sơn, lô MN 123, đường M, khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Thời gian bảo hiểm từ 08 giờ ngày 24/12/2012 đến 08 giờ ngày 24/12/2013.

Ngày 12/4/2013 đã xảy ra vụ cháy lớn tại Tổng kho Sacombank dẫn đến việc một phần hàng hóa phân bón các loại của Công ty M bị tiêu hủy. Như vậy đã phát sinh sự kiện bảo hiểm.

Sau khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra, theo yêu cầu của Công ty B Nam Bình Dương, Công ty Cổ phần Điều chỉnh V đã có kết luận kiểm tra độc lập về vụ cháy và giá trị bên bảo hiểm phải bồi thường là 220.218.710 đồng. Các bên liên quan không có ý kiến gì về giá trị thiệt hại phải bồi thường mà Công ty Cổ phần Điều chỉnh V đưa ra. Bên được bảo hiểm đã nhận số tiền bảo hiểm do Tổng Công ty Bảo hiểm B chi trả.

Ngày 26/11/2013 Công ty M đã ký Giấy chuyển quyền số 001/GCQ-2013 để chuyển toàn bộ quyền và lợi ích của Công ty M cho Bảo hiểm B truy đòi trách nhiệm từ S và Công ty T.

Tổng Công ty Bảo hiểm B cho rằng, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi. Do Bảo hiểm B đã bồi thường cho đơn vị mua bảo hiểm là Công ty M và Công ty M đã chuyển quyền yêu cầu lại cho Bảo hiểm B nên Bảo hiểm B yêu cầu bên thứ ba là S và Công ty T trả lại số tiền bảo hiểm đã chi trả cho Công ty M. Phía S và Công ty T không chấp nhận yêu cầu của Bảo hiểm B vì cho rằng sự cố hỏa hoạn xảy ra là do khách quan, hệ thống tải điện từ ban đầu cho đến khi xảy ra sự việc cháy đều đảm bảo an toàn theo quy định.

Xét, Tổng Công ty Bảo hiểm B là đơn vị kinh doanh bảo hiểm. Theo quy định tại Điều 309, Điều 577 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điểm e Khoản 1 Điều 17, Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì căn cứ để cơ quan bảo hiểm đòi người thứ ba phải trả tiền bảo hiểm là: Người thứ ba là người có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc là người có hành vi trái pháp luật và gây ra thiệt hại cho người được bảo hiểm; Công ty bảo hiểm đã bồi thường thiệt hại cho người được bảo hiểm; Người được bảo hiểm đã có văn bản thể quyền, chuyển quyền bồi hoàn cho công ty bảo hiểm.

Hồ sơ thể hiện, Bảo hiểm B đã chi trả số tiền bảo hiểm cho bên được bảo hiểm và bên được bảo hiểm cũng đã chuyển quyền yêu cầu đối với S và Công ty T cho Bảo hiểm B.

Vấn đề cần xem xét là bên thứ ba có hành vi trái pháp luật hay không, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kết luận giám định số 846/C54B ngày 02/5/2013 của Phân Viện Khoa học tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định nguyên nhân vụ cháy như sau: *“Do trên đường dây dẫn điện cung cấp điện cho đèn cao áp chiếu sáng thuộc kho số 1 (nêu ở mục 5.2) đã xảy ra sự cố chạm chập điện (ngắn mạch). Sự cố ngắn mạch phát sinh hồ quang mang năng lượng cao đốt cháy vỏ cách điện, làm nóng cháy lõi dây dẫn điện tạo hạt đồng nóng chảy mang nhiệt độ cao (>1500⁰C) văng ra gây cháy các vật liệu dễ cháy (nhựa, giấy..), từ đây đám cháy phát triển đi các hướng và gây cháy lớn.”*

Sở cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương cũng ra Công văn số 573/CSPCCC(P2) ngày 19/6/2013 về việc *“Thông báo kết quả điều tra vụ cháy Tổng kho Sacombank”* và xác định nguyên nhân vụ cháy như sau: *“Do trên đường dây dẫn điện cung cấp điện cho đèn cao áp chiếu sáng thuộc kho số 1 theo hướng Nam-Bắc. Vị trí này có tọa độ cách tường hướng Bắc 2,8m, cách tường hướng Đông 27m đã xảy ra sự cố chạm chập điện (ngắn mạch). Sự cố ngắn mạch phát sinh hồ quang mang năng lượng cao đốt cháy vỏ cách điện, làm nóng cháy lõi dây dẫn điện tạo hạt đồng nóng chảy mang nhiệt độ cao (>1500⁰C) văng ra gây cháy các vật liệu dễ cháy (nhựa, giấy..), từ đây đám cháy phát triển đi các hướng và gây cháy lớn.”*

Căn cứ vào Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 14 ngày 29/5/2013 của Sở cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương về việc

quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ cháy tại Tổng kho Sacombank do không có sự việc phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại Biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy ngày 22/02/2013 của Phòng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thị xã Dĩ An nêu: *“II/ Kiểm tra thực tế và kiến nghị:....2. Hệ thống điện: tại thời điểm kiểm tra hệ thống điện được tách riêng biệt giữa nguồn điện chiếu sáng bảo vệ và nguồn điện sản xuất đảm bảo theo quy định.”*

Tại Công văn số 903/CSPC&CC-P2 ngày 30/7/2015 của Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương khẳng định như sau: *“Trước thời điểm xảy ra vụ cháy ngày 12/4/2013, hệ thống điện của Tổng kho Sacombank đã đảm bảo các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định.”*

Qua các chứng cứ trên cho thấy, S đã thực hiện đúng các quy định về đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy. Sự cố hỏa hoạn xảy ra ngày 12/4/2013 là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được vì S đã áp dụng đầy đủ các biện pháp về an toàn đối với hệ thống điện theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh vụ hỏa hoạn là do lỗi của bị đơn. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Bảo hiểm B là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Bảo hiểm B. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 138, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 577, Điều 623 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Bảo hiểm B về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Sài Gòn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải T trả số tiền bồi thường 220.218.710 đồng (Hai trăm hai mươi triệu hai trăm mười tám ngàn bảy trăm mười đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng Công ty Bảo hiểm B phải chịu án phí là 11.010.935 đồng (Mười một triệu không trăm mười ngàn chín trăm ba mươi lăm đồng), nhưng được bù trừ vào số tiền 5.505.468 đồng (Năm triệu năm trăm lẻ năm ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/09172 ngày 15/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Tổng Công ty Bảo hiểm B có trách nhiệm nộp thêm 5.505.467 đồng (Năm triệu năm trăm lẻ năm ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty Bảo hiểm B phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Tổng Công ty Bảo hiểm B đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0019253 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Tổng Công ty Bảo hiểm B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận B;
- TAND Quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan